

Số: 36 /2016/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định về ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư
của tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 30/2015/TT-BTC ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, thanh toán và quyết toán các khoản hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII - Kỳ họp thứ 2 về Quy định ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 964/TTr-SKHĐT ngày 28/7/2016 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 109/BC-STP ngày 17/6/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2016 và thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 52/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh, số 22/2015/QĐ-UBND ngày 18/5/2015 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND; số 42/2014/QĐ-UBND ngày 29/8/2014 ban hành quy định cơ chế hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình của dự án đầu tư trong Khu quy hoạch đô thị Vạn Tường thuộc Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi; số 42/2015/QĐ-UBND ngày 24/8/2015 ban hành một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, giáo dục, thể dục thể thao, môi trường và giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 48/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 về việc quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất tại khu vực đô thị đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, giáo dục, thể dục thể thao, môi trường và giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và số 45/2015/QĐ-UBND

ngày 31/8/2015 ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015-2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, các phòng Ng/cứu;
- Trung tâm Công báo và Tin học;
- Lưu: VT, KTTH (7s177).



Trần Ngọc Căng

QUY ĐỊNH

Về ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **36** /2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi cho các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh và hỗ trợ công tác vận động thu hút đầu tư vào tỉnh.

Đối với dự án đầu tư nước ngoài thuộc lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có dự án đầu tư (sau đây gọi là nhà đầu tư) được cơ quan có thẩm quyền Quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Các cơ sở ngoài công lập, các cơ sở sự nghiệp công lập theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ.

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư theo Quy định này.

Điều 3. Điều kiện và nguyên tắc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Điều kiện ưu đãi, hỗ trợ

Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư, lĩnh vực khuyến khích đầu tư của tỉnh (cụ thể theo Phụ lục I kèm theo Quy định này) có vốn đầu tư từ 10 (mười) tỷ đồng trở lên (trừ ưu đãi về giá cho thuê đất, dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn không quy định mức vốn đầu tư tối thiểu).

Riêng chính sách hỗ trợ đào tạo lao động thì áp dụng cho tất cả các lĩnh vực đầu tư trên địa bàn tỉnh.

2. Nguyên tắc áp dụng

Trường hợp nhà đầu tư có dự án đầu tư được hưởng nhiều mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác nhau cho từng nội dung, hạng mục của dự án theo quy định của pháp luật hiện hành trong cùng một thời gian thì nhà đầu tư được lựa chọn áp dụng mức hỗ trợ đầu tư có lợi nhất.

Chương II ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHUNG CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 4. Ưu đãi về giá cho thuê đất

Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm với mức tỷ lệ phần trăm là 0,5%/năm (mức thấp nhất theo quy định của Chính phủ) để xác định đơn giá thuê đất. Trong trường hợp nhà đầu tư chọn hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê thì giá thuê đất được xác định theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 5. Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thiết yếu và khu tái định cư (nếu có) của dự án

1. Đối với dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư

Mức hỗ trợ tương đương 20% chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng phần diện tích đất thực hiện của dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc kinh phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp đã thực hiện dự án đầu tư nhưng không quá 20 tỷ đồng/dự án (đối với các dự án đầu tư đến 100 hecta), không quá 30 tỷ đồng/dự án (đối với các dự án đầu tư trên 100 hecta). Kinh phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác định theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Đối với dự án khuyến khích đầu tư

Mức hỗ trợ tương đương 10% chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng phần diện tích đất thực hiện của dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc kinh phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp đã thực hiện dự án đầu tư nhưng không quá 20 tỷ đồng/dự án. Kinh phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác định theo quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 6. Hỗ trợ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng

Đối với các dự án đầu tư không thuộc diện Nhà nước thu hồi đất: Tinh ưu tiên quỹ đất sạch của địa phương để nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư. Đối các dự án còn lại, tinh giao Tổ chức làm

nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp cùng chính quyền địa phương hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Khi đã có từ 70% số hộ dân trở lên bị ảnh hưởng của dự án đã chấp thuận, thì bảo vệ thi công đối với các hộ còn lại, nhằm đảm bảo tiến độ để có mặt bằng cho nhà đầu tư triển khai dự án.

Tinh hỗ trợ nhà đầu tư trong việc thực hiện các thủ tục về chuyển nhượng, chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Điều 7. Hỗ trợ xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu chức năng trong khu kinh tế

Nhà đầu tư thực hiện đầu tư dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu chức năng trong khu kinh tế được ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% chi phí xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung nhưng không quá 10 tỷ đồng/khu công nghiệp; không quá 10 tỷ đồng/khu chức năng trong khu kinh tế; không quá 05 tỷ đồng/cụm công nghiệp.

Điều 8. Hỗ trợ đào tạo lao động

1. Mức hỗ trợ

Mỗi dự án được hỗ trợ chi phí đào tạo với thời gian đào tạo ít nhất từ đủ 05 ngày trở lên nhưng không vượt mức: 500.000 đồng/lao động/khóa đào tạo từ đủ 05 ngày đến dưới 10 ngày; 700.000 đồng/lao động/khóa đào tạo từ đủ 10 ngày đến dưới 01 tháng; 1.000.000 đồng/lao động/khóa đào tạo từ đủ 01 tháng đến dưới 02 tháng; 1.500.000 đồng/lao động/khóa đào tạo từ đủ 02 tháng đến dưới 03 tháng; 2.000.000 đồng/lao động/khóa đào tạo từ đủ 03 tháng đến dưới 06 tháng.

2. Điều kiện hỗ trợ

Nhà đầu tư chỉ được hỗ trợ kinh phí đào tạo khi thực hiện ký kết hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên. Mỗi lao động làm việc trong dự án chỉ được hỗ trợ đào tạo một lần.

Trường hợp nhà đầu tư tự tổ chức đào tạo thì nhà đầu tư phải xây dựng kế hoạch, dự toán, chương trình đào tạo và phương thức tổ chức thực hiện gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, xác nhận trước khi triển khai thực hiện.

Điều 9. Hỗ trợ cho công tác vận động thu hút đầu tư

1. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ 0,3% trên tổng vốn thực hiện (cho các dự án nhóm A, B, C theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng) nhưng mức hỗ trợ tối đa là: 100 triệu đồng cho dự án nhóm C; 200 triệu đồng cho dự án nhóm B; 300 triệu đồng cho dự án nhóm A.

Đối với các dự án có vốn thực hiện bằng tiền ngoại tệ thì quy đổi ra Việt Nam đồng, theo tỷ giá Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm chi hỗ trợ.

2. Điều kiện hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân vận động nhà đầu tư đến đầu tư trên địa bàn tỉnh (trừ các tổ chức làm nhiệm vụ xúc tiến đầu tư của tỉnh; các nhà đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và cụm công nghiệp) có dự án đầu tư quy định tại Khoản 1 Điều 3 và dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa (cụ thể theo Phụ lục II kèm theo Quy định này) được cấp thẩm quyền cấp Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; thời điểm hỗ trợ là khi dự án được khởi công xây dựng.

Điều 10. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, đầu tư

Nhà đầu tư thuộc phạm vi điều chỉnh tại Quy định này được hưởng hỗ trợ xúc tiến thương mại, đầu tư theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại các Quyết định số: 42/2013/QĐ-UBND ngày 05/9/2013 ban hành quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ngãi; số 30/2014/QĐ-UBND ngày 24/6/2014 ban hành quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và số 40/2015/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và quy định mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 11. Hỗ trợ chi phí thông báo thành lập doanh nghiệp và quảng cáo sản phẩm

1. Nhà đầu tư thành lập doanh nghiệp mới tại tỉnh để thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Quy định này được miễn phí thông báo thành lập doanh nghiệp, thông báo bổ sung ngành nghề kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng thương mại điện tử của tỉnh, Cổng thông tin điện tử của các cơ quan đăng ký đầu tư, cơ quan quản lý ngành và Cổng thông tin điện tử về du lịch do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý.

2. Được miễn phí tham gia quảng cáo sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng thông tin điện tử của các cơ quan đăng ký đầu tư, cơ quan quản lý ngành và Cổng thông tin điện tử về du lịch do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý.

Điều 12. Hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính

Nhà đầu tư được Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh Quảng Ngãi hỗ trợ thực hiện các thủ tục hành chính theo các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước về đầu tư. Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, thay mặt nhà đầu tư làm việc với các cơ quan chức năng và trả kết quả cuối cùng cho nhà đầu tư theo “cơ chế một cửa”.

Chương III ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO DỰ ÁN KHUYẾN KHÍCH XÃ HỘI HÓA

Ngoài ưu đãi, hỗ trợ chung được hưởng theo quy định tại các Điều 4, 6, 8, 10, 11 và 12, khi đầu tư vào lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa (cụ thể theo Phụ lục II kèm theo Quy định này), nhà đầu tư còn được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ như sau:

Điều 13. Ưu đãi về thuê đất

Nhà đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất để đầu tư xây dựng các công trình xã hội hóa được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê. Trừ trường hợp dự án xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép gia hạn thời gian thuê thì không được hưởng ưu đãi về thuê đất theo quy định tại Điều này.

Điều 14. Ưu đãi về cho thuê cơ sở vật chất

1. Nhà đầu tư được ưu tiên thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa để cung cấp các sản phẩm dịch vụ trong lĩnh vực xã hội hóa theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ.

2. Thời gian cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho từng trường hợp cụ thể nhưng không dưới 10 năm. Hết thời hạn này, nếu các cơ sở thực hiện xã hội hóa còn có nhu cầu sử dụng cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa thì được ưu tiên tiếp tục gia hạn thuê, thời gian của một đợt gia hạn không dưới 05 năm.

Điều 15. Hỗ trợ chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng

1. Dự án khuyến khích xã hội hóa xây dựng nhà, cơ sở vật chất nằm trong các dự án, khu đô thị mới đã được xây dựng cơ sở hạ tầng phải nộp chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng thì được Nhà nước hỗ trợ một phần (%) chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng phải nộp, với mức hỗ trợ theo từng địa bàn như sau:

a) Địa bàn các phường thuộc thành phố Quảng Ngãi và thị trấn các huyện đồng bằng: 50%.

b) Địa bàn thị trấn các huyện miền núi và các xã thuộc huyện đồng bằng, thành phố: 70%.

c) Địa bàn các xã thuộc huyện miền núi và huyện Lý Sơn: 90%.

2. Trường hợp dự án khuyến khích xã hội hóa xây dựng nhà, cơ sở vật chất ở những nơi phải tự xây dựng cơ sở hạ tầng thì được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo dự án đầu tư được duyệt như mức hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Việc xác định chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng để hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều này được xác định tại Phụ lục VII kèm theo Quy định này.

Điều 16. Hỗ trợ tín dụng

Cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi, đối tượng quy định tại Điều 1 và Điều 2 Quy định này được vay vốn tín dụng đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư theo quy định về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

Điều 17. Điều kiện ưu đãi, hỗ trợ

Các dự án đầu tư vào lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa đảm bảo các tiêu chí về quy mô, tiêu chuẩn theo quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1466/QĐ-TTg.

Chương IV HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

Ngoài ưu đãi, hỗ trợ chung được hưởng theo quy định tại các Điều 4, 6, 8, 10, 11 và 12 của Quy định này, khi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhà đầu tư còn được hưởng các hỗ trợ như sau:

Điều 18. Mức hỗ trợ

1. Đối với cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm: hỗ trợ 70% tổng mức đầu tư xây dựng hạ tầng về điện, nước, nhà xưởng, xử lý chất thải và mua thiết bị, nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án.

2. Đối với cơ sở chăn nuôi gia súc: hỗ trợ 70% tổng mức đầu tư xây dựng hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng, đồng cỏ và mua thiết bị, nhưng không quá 1,5 tỷ đồng/dự án.

3. Đối với đầu tư vùng sản xuất rau an toàn: hỗ trợ 70% tổng mức đầu tư xây dựng đồng ruộng, nhà sơ chế, nhà kho, mua máy móc, thiết bị, nhưng không quá 1,5 tỷ đồng/dự án.

4. Đối với đầu tư vùng sản xuất cây dược liệu: hỗ trợ 15 triệu đồng/ha để xây dựng vùng sản xuất cây dược liệu; hỗ trợ 70% tổng mức đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất cây giống, nhưng không quá 01 tỷ đồng/cơ sở.

5. Trường hợp dự án chưa có đường giao thông (mặt đường từ 3m trở xuống và chưa được cứng hóa), hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án thì được hỗ trợ 70% tổng mức đầu tư các hạng mục trên, nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/dự án.

Điều 19. Điều kiện hỗ trợ

1. Điều kiện chung

a) Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận nếu chưa có quy hoạch và phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại tỉnh Quảng Ngãi.

b) Diện tích đất trồng rau, trồng cây dược liệu: là diện tích đất mà nhà đầu tư được Nhà nước giao, cho thuê hoặc diện tích do nhà đầu tư liên doanh, liên kết với tổ chức, hộ gia đình và cá nhân hoặc diện tích do nhà đầu tư thuê, mượn của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân.

c) Nhà đầu tư là tổ chức trong và ngoài nước có dự án đầu tư.

2. Điều kiện cụ thể

a) Đối với cơ sở giết mổ tập trung công nghiệp có công suất giết mổ một ngày đêm đạt tối thiểu 10 con trâu, bò hoặc 20 con dê hoặc 50 con heo hoặc 250 con gia cầm, bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

b) Đối với cơ sở có quy mô chăn nuôi thường xuyên tập trung từ 500 con trở lên đối với lợn thịt; hoặc từ 100 con trở lên đối với trâu, bò, dê; hoặc từ 100 con đối với bò thịt cao sản nhập ngoại, bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

c) Đối với dự án đầu tư vùng sản xuất rau an toàn có quy mô diện tích trồng tập trung từ 02 ha trở lên, được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

d) Đối với dự án đầu tư vùng sản xuất cây dược liệu (theo quy định của Bộ Y tế tại Quyết định số 206/QĐ-BYT ngày 22/01/2015) có quy mô diện tích từ 05 ha trở lên; dự án đầu tư cơ sở sản xuất cây giống quế có quy mô 500.000 cây giống /năm trở lên, cây dược liệu khác 200.000 cây giống /năm trở lên.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư được bố trí trong dự toán ngân sách tỉnh hằng năm.

Điều 21. Quy trình, thủ tục thực hiện ưu đãi, hỗ trợ

1. Về ưu đãi: Nhà đầu tư lập hồ sơ hưởng ưu đãi gửi Sở Tài chính thẩm tra và thực hiện theo quy định.

2. Về hỗ trợ: Quy trình, thủ tục thực hiện hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước và được liệt kê cụ thể tại các Phụ lục III, IV, V, VI và VII kèm theo Quy định này.

Điều 22. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, các sở quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có dự án đầu tư triển khai có trách nhiệm hỗ trợ và ưu tiên giải quyết các thủ tục hành chính cho nhà đầu tư trong thời gian sớm nhất. Nếu tổ chức, cá nhân không thực hiện đầy đủ trách nhiệm được giao, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo đúng quy định hiện hành, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh Quảng Ngãi là đầu mối tiếp nhận các phản ánh của nhà đầu tư; hướng dẫn, tiếp nhận các hồ sơ thủ tục của nhà đầu tư để thụ hưởng chính sách. Định kỳ 06 tháng, hàng năm, báo cáo tình hình thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh để theo dõi, chỉ đạo và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài chính

a) Thẩm tra đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện chính

sách này trong dự toán chi ngân sách địa phương hàng năm; phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc cấp phát và thanh quyết toán nguồn kinh phí để thực hiện chính sách tại Quy định này.

b) Chủ trì phối hợp với các sở chuyên ngành và đơn vị được giao quản lý tài sản cho thuê tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh: quyết định giá cho thuê cơ sở vật chất để cung cấp sản phẩm dịch vụ trong lĩnh vực xã hội hóa theo quy định tại Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính; quyết định ưu đãi về giá cho thuê đất theo Quy định này.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh Quảng Ngãi công bố và tuyên truyền chính sách này. Hàng năm, trên cơ sở đề nghị của các đơn vị liên quan, tổng hợp dự toán thực hiện chính sách này gửi Sở Tài chính để thẩm tra và đưa vào dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh.

Điều 23. Trách nhiệm của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có trách nhiệm thành lập tổ chức kinh tế có trụ sở tại địa bàn tỉnh, hạch toán độc lập, kê khai thực hiện nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác (theo quy định hiện hành của Nhà nước) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức triển khai dự án đúng tiến độ đã cam kết. Trường hợp dự án triển khai không đúng như cam kết nêu trong Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mà giải trình của nhà đầu tư không được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận, bị thu hồi dự án đầu tư thì nhà đầu tư phải hoàn trả tất cả các khoản ưu đãi, hỗ trợ cho tỉnh. Phần chi phí nhà đầu tư đã đầu tư được xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Nếu có sự thay đổi hoặc điều chỉnh dự án dẫn đến thay đổi các hỗ trợ kinh phí đầu tư đã được cấp, nhà đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ điều chỉnh các hỗ trợ kinh phí đầu tư tương ứng. Trường hợp mức kinh phí hỗ trợ được điều chỉnh thấp hơn mức kinh phí hỗ trợ đã cấp, nhà đầu tư phải hoàn trả lại phần chênh lệch (thừa) giữa mức kinh phí hỗ trợ đã cấp và kinh phí mức hỗ trợ mới điều chỉnh.

4. Nhà đầu tư thuộc diện được hưởng các chính sách hỗ trợ theo Quy định này có trách nhiệm thực hiện các trình tự, thủ tục để hưởng chính sách, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đúng đắn của các hồ sơ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 24. Xử lý một số tình huống đặc biệt

Trường hợp đối với những dự án quy mô lớn, có tác động lan tỏa lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc đóng góp lớn vào ngân sách địa

phương thì Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản xin ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để quyết định về cơ chế thu hồi đất, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đặc biệt và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 25. Quy định chuyển tiếp

1. Dự án đã thực hiện trước ngày Quy định này có hiệu lực, đảm bảo đúng tiến độ theo cam kết với tỉnh hoặc đã được phép gia hạn mà thỏa mãn các điều kiện để được hưởng hỗ trợ thì được hỗ trợ như sau:

a) Được hỗ trợ cho các hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án thực hiện sau ngày Quy định này có hiệu lực.

b) Không hỗ trợ đối với các hạng mục đầu tư, gói thầu đã thực hiện trước ngày Quy định này có hiệu lực.

2. Đối với dự án nêu tại Điều 3 Quy định này đã được cơ quan có thẩm quyền cho thuê đất trước đây theo hình thức trả tiền thuê đất thì được xác định lại đơn giá thuê đất theo Điều 4 khi Quy định này có hiệu lực thi hành. Trong trường hợp nhà đầu tư chọn hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê thì giá thuê đất được xác định theo quy định hiện hành của Nhà nước./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng

Phụ lục I

DANH MỤC LĨNH VỰC KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh số 36 /2016/QĐ-UBND
ngày 29/7/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)



1. Danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư

a) Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chức năng trong khu kinh tế, cụm công nghiệp;

b) Xây dựng chợ nông thôn; xây dựng chung cư cho công nhân làm việc tại các khu công nghiệp, khu kinh tế; nhà ở xã hội;

c) Đầu tư sản xuất công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp lọc hóa dầu; dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; đầu tư các sản phẩm công nghệ sinh học; dự án đầu tư công nghệ thông tin theo quy định tại Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006; dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định các chính sách hỗ trợ, chính sách ưu đãi nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ;

d) Đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

đ) Xây dựng cơ sở đóng tàu cá; khu dịch vụ hậu cần nghề cá; xây dựng cảng biển, cảng sông.

2. Danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư

a) Đầu tư xây dựng khu du lịch; điểm du lịch có quy 50 ha trở lên; làng du lịch đạt tiêu chuẩn 4 sao trở lên; khu nghỉ dưỡng cao cấp từ 20 ha trở lên; khách sạn 5 sao;

b) Đầu tư trung tâm hội chợ triển lãm hàng hóa, siêu thị, trung tâm thương mại;

c) Sản xuất ô tô, phụ tùng ô tô;

d) Đầu tư xây dựng nghĩa trang nhân dân;

đ) Đầu tư chế biến nông, lâm, thủy sản mà giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 1,5 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu; dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm, trồng rau an toàn, trồng cây dược liệu tại vùng nông thôn.

Phụ lục II
DANH MỤC ĐẦU TƯ VÀ LĨNH VỰC KHUYẾN KHÍCH XÃ HỘI HÓA
(Kèm theo Quy định số 36 /2016/QĐ-UBND
ngày 29/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)



Các dự án đầu tư vào lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ, bao gồm:

1. Lĩnh vực giáo dục: Trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông; trường trung cấp chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học; trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề; cơ sở cung cấp dịch vụ phục vụ giáo dục đào tạo;

2. Lĩnh vực y tế: Cơ sở khám chữa bệnh; cơ sở y tế dự phòng; vệ sinh an toàn thực phẩm, dược và mỹ phẩm;

3. Lĩnh vực văn hóa: Di sản văn hóa; điện ảnh; nghệ thuật biểu diễn; văn hóa cơ sở; mỹ thuật nhiếp ảnh và triển lãm; thư viện;

4. Lĩnh vực thể dục thể thao: cơ sở đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao (năng khiếu và thành tích cao); sân thể thao; bể bơi, bể nhảy cầu, bể vầy, bể hỗn hợp, câu lạc bộ bơi lội, câu lạc bộ thể thao dưới nước; nhà tập luyện thể thao; đơn vị sản xuất dụng cụ thể dục thể thao; cơ sở lưu trú, ký túc xá của vận động viên thể thao;

5. Lĩnh vực môi trường: Cơ sở thu gom, vận chuyển rác thải; cơ sở xử lý rác thải; cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải y tế); cơ sở xử lý chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải y tế); cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt tập trung; cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ phân tán; cơ sở xây dựng xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại các đô thị; cơ sở sản xuất năng lượng tái tạo từ sức gió, ánh sáng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt, năng lượng sinh học, sản xuất năng lượng sạch từ việc tiêu thụ chất thải ô nhiễm môi trường; cơ sở hỏa táng, điện táng; cơ sở cung cấp nước sạch; cơ sở quan trắc và phân tích môi trường; cơ sở sản xuất ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường; cơ sở sản xuất trang thiết bị chuyên dùng để xử lý (tái chế, tiêu hủy) các loại chất thải; cơ sở sản xuất trang thiết bị chuyên dùng cho các hệ thống quan trắc môi trường; cơ sở khắc phục sự cố môi trường; dự án đầu tư xây dựng nhà tang lễ;

6. Lĩnh vực giám định tư pháp.

Phụ lục III

QUY TRÌNH, THỦ TỤC HỒ TRỢ ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG, HỒ TRỢ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THIẾT YẾU VÀ KHU TÁI ĐỊNH CƯ (NẾU CÓ)

(Kèm theo Quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
ngày 29/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

1. Quy trình

- Bước 1: Đề xuất danh mục các công trình đề nghị hỗ trợ:

Dựa trên mức hỗ trợ theo quy định, nhà đầu tư có văn bản đề xuất các công trình được hỗ trợ gửi Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh. Nội dung đề xuất tương tự như đề xuất chủ trương đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư công, gồm:

- + Sự cần thiết đầu tư;
- + Mục tiêu, quy mô;
- + Dự kiến tổng mức vốn và cơ cấu nguồn vốn thực hiện;
- + Dự kiến tiến độ thực hiện.

Số bộ hồ sơ: 08 bộ (trong đó có 1 bộ gốc).

- Bước 2: Thẩm định, phê duyệt đề xuất hỗ trợ:

Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan thẩm định danh mục công trình hạ tầng kỹ thuật, xây dựng Khu tái định cư cần hỗ trợ và dự thảo văn bản chủ trương đầu tư, trong đó xác định quy mô, tổng mức đầu tư, thời gian thực hiện, nguồn vốn đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét Quyết định chủ trương đầu tư theo quy định hiện hành.

- Bước 3: Quyết định chủ trương đầu tư:

Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định chủ trương đầu tư sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thủ tục

Hồ sơ, thủ tục, thẩm định và phê duyệt đầu tư các công trình được hỗ trợ thực hiện như đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Phụ lục IV
QUY TRÌNH, THỦ TỤC CẤP KINH PHÍ ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG
(Kèm theo Quyết định tại Quyết định số 36 /2016/QĐ-UBND
ngày 29/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)



1. Bước 1: Lập hồ sơ xin hỗ trợ kinh phí đào tạo:

Nhà đầu tư lập hồ sơ đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ đào tạo lao động gửi Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh, hồ sơ gồm:

- a) Văn bản đề nghị cấp kinh phí của Nhà đầu tư, trong đó có kèm theo phụ lục dự toán chi phí đào tạo lao động, làm cơ sở xác định mức đào tạo cho một lao động.
- b) Danh sách người lao động được kèm theo hợp đồng lao động đã được ký kết.

Số bộ hồ sơ: 03 bộ (trong đó có 1 bộ gốc).

2. Bước 2: Thẩm định hồ sơ:

Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh thẩm định hồ sơ và lập văn bản gửi Sở Tài chính xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thời gian giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Nếu không giải quyết phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do cho nhà đầu tư.

3. Bước 3: Cấp kinh phí hỗ trợ:

Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp kinh phí cho nhà đầu tư. Thời gian giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Phụ lục V
QUY TRÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ CÔNG TÁC
TRUNG TÂM XÚC TIẾN VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số 36 /2016/QĐ-UBND
ngày 29/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)



1. Bước 1: Lập hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân vận động nhà đầu tư lập hồ sơ đề nghị chi hỗ trợ gửi Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh, hồ sơ gồm:

- a) Văn bản đề nghị chi hỗ trợ;
- b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập đối với tổ chức; Giấy Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân;
- c) Bản sao một trong các tài liệu của tổ chức, cá nhân vận động như sau: Văn bản gửi Cơ quan đăng ký đầu tư về đăng ký vận động nhà đầu tư; chương trình/kế hoạch làm việc với nhà đầu tư; văn bản gửi Cơ quan đăng ký đầu tư về giới thiệu nhà đầu tư đến tìm hiểu, khảo sát đầu tư; hợp đồng tư vấn hoặc thỏa thuận/ghi nhớ ký kết với nhà đầu tư;
- d) Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;
- đ) Văn bản của nhà đầu tư về việc khởi công xây dựng dự án;
- e) Văn bản xác nhận của cơ quan đăng ký đầu tư.

Số bộ hồ sơ: 03 bộ (trong đó có 1 bộ gốc).

2. Bước 2: Thẩm định hồ sơ:

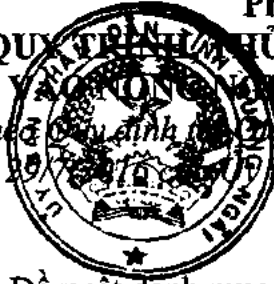
Sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị chi hỗ trợ, Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Cơ quan đăng ký đầu tư thẩm tra, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định chi hỗ trợ.

Thời gian giải quyết là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Bước 3: Cấp kinh phí hỗ trợ:

Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh thực hiện việc chi hỗ trợ. Thời gian giải quyết không quá 05 ngày kể từ ngày có Quyết định chi hỗ trợ.

Phụ lục VI
QUY TRÌNH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ
YẾU TỐ NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN
(Kèm theo Quyết định số 36 /2016/QĐ-UBND
ngày 29/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)



1. Bước 1: Đề xuất danh mục công trình:

Nhà đầu tư có văn bản đề xuất danh mục công trình đề nghị hỗ trợ gửi Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh. Nội dung đề xuất tương tự như đề xuất chủ trương đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư công, gồm:

- a) Sự cần thiết đầu tư;
- b) Mục tiêu, quy mô;
- c) Dự kiến tổng mức vốn và cơ cấu nguồn vốn thực hiện;
- d) Dự kiến tiến độ thực hiện.

Số bộ hồ sơ: 08 bộ (trong đó có 1 bộ gốc).

2. Bước 2: Quyết định hỗ trợ đầu tư:

Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan thẩm định đề xuất các công trình hỗ trợ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Quyết định hỗ trợ đầu tư.

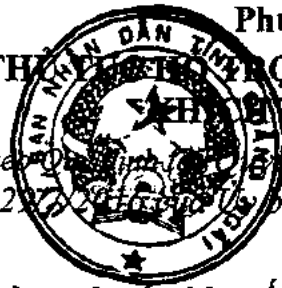
3. Bước 3: Nhà đầu tư được lựa chọn một trong hai hình thức thực hiện hỗ trợ như sau:

a) Hình thức như đầu tư theo quy trình đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành: điều kiện là các nội dung hỗ trợ đầu tư phải được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thiết kế, dự toán hạng mục, công trình hoặc phê duyệt thiết kế tổng dự toán của cả dự án trước khi triển khai.

b) Hình thức tự thực hiện: Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Quyết định hỗ trợ đầu tư, nhà đầu tư tự tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thanh toán theo mức hỗ trợ quy định hiện hành tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phụ lục VII
**QUY TRÌNH, THỜI ĐIỂM CHỌN ĐẦU TƯ VÀO LĨNH VỰC KHUYẾN
HỖ XÃ HỘI HÓA**

(Kèm theo Quyết định số 36 /2016/QĐ-UBND
ngày 27/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)



1. Trường hợp dự án khuyến khích xã hội hóa xây dựng nhà, cơ sở vật chất nằm trong các dự án, khu đô thị mới đã được xây dựng cơ sở hạ tầng

Tại thời điểm cho thuê đất cho cơ sở thực hiện xã hội hóa mà chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của dự án, khu đô thị mới đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo quy định thì chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với diện tích đất cho cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê được xác định theo công thức sau:

$$C_{ht}(\text{đồng}) = \frac{C_{da}}{DT_{da}} \times DT_{xhx}$$

Trong đó:

a) C_{ht} (đồng): Chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với diện tích đất được cho thuê của cơ sở thực hiện xã hội hóa.

b) C_{da} (đồng): Giá trị quyết toán chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của dự án, khu đô thị mới đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và được quy đổi về mặt bằng giá tại thời điểm cho thuê đất cho cơ sở thực hiện xã hội hóa (bao gồm cả chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng).

c) DT_{da} (m^2): Diện tích đất được giao của dự án, khu đô thị mới theo quyết định giao đất, cho thuê đất của cấp có thẩm quyền.

d) DT_{xhx} (m^2): Diện tích đất được cho thuê của cơ sở thực hiện xã hội hóa theo quyết định cho thuê đất của cấp có thẩm quyền.

Tại thời điểm cho thuê đất cho cơ sở thực hiện xã hội hóa mà chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của dự án, khu đô thị mới chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo quy định thì chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với diện tích đất cho cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê được xác định theo công thức sau:

$$C_{ht}(\text{đồng}) = \frac{C_{da} - (C_{gg} + C_{dp})}{DT_{da}} \times DT_{xhx}$$

Trong đó:

a) C_{ht} (đồng): Chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với diện tích đất được cho thuê của cơ sở thực hiện xã hội hóa.

b) C_{da} (đồng): Chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của dự án, khu đô thị mới theo dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định (bao gồm cả chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng).

c) C_{gg} (đồng): Chi phí giảm giá do đấu thầu xây lắp (nếu có).

d) C_{cp} (đồng): Chi phí dự phòng chi của dự án, khu đô thị mới theo dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

đ) DT_{da} (m^2): Diện tích đất được giao của dự án, khu đô thị mới theo quyết định giao đất, cho thuê đất của cấp có thẩm quyền.

e) DT_{xhx} (m^2): Diện tích đất được cho thuê của cơ sở thực hiện xã hội hóa theo quyết định cho thuê đất của cấp có thẩm quyền.

2. Trường hợp dự án khuyến khích xã hội hóa xây dựng nhà, cơ sở vật chất ở những nơi phải xây dựng cơ sở hạ tầng

a) Quy trình:

Bước 1: Đề xuất danh mục các công trình đề nghị hỗ trợ:

Dựa trên mức hỗ trợ theo quy định, nhà đầu tư có văn bản đề xuất các công trình được hỗ trợ gửi Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh. Nội dung đề xuất tương tự như đề xuất chủ trương đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư công, gồm: Sự cần thiết đầu tư; Mục tiêu, quy mô; Dự kiến tổng mức vốn và cơ cấu nguồn vốn thực hiện; Dự kiến tiến độ thực hiện.

Số bộ hồ sơ: 08 bộ (trong đó có 1 bộ gốc).

Bước 2: Thẩm định, phê duyệt đề xuất hỗ trợ:

Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan thẩm định danh mục công trình hạ tầng kỹ thuật, xây dựng Khu tái định cư cần hỗ trợ và dự thảo văn bản chủ trương đầu tư, trong đó xác định quy mô, tổng mức đầu tư, thời gian thực hiện, nguồn vốn đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét Quyết định chủ trương đầu tư theo quy định hiện hành.

Bước 3: Quyết định chủ trương đầu tư:

Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định chủ trương đầu tư sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Thủ tục:

Hồ sơ, thủ tục, thẩm định và phê duyệt đầu tư các công trình được hỗ trợ thực hiện như đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước./.